



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 60 (01/8/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|---|----|
| 16-7-2008 | Quyết định số 3044/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi. | 3 |
| 16-7-2008 | Quyết định số 3045/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của huyện Củ Chi. | 12 |

QUẬN 5

- | | | |
|-----------|---|----|
| 14-7-2008 | Nghị quyết số 01/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008. | 25 |
| 14-7-2008 | Nghị quyết số 02/2008/NQ-HĐND về quyết toán ngân sách năm 2007. | 30 |

QUẬN BÌNH THẠNH

- 11-7-2008 - Nghị quyết số 01/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008. 34
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND về việc phê duyệt quyết toán năm 2007. 41
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 quận Bình Thạnh. 42

HUYỆN CẦN GIỜ

- 17-7-2008 - Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008. 44
- 17-7-2008 - Nghị quyết số 07/2008/NQ-HĐND về tổng quyết toán ngân sách năm 2007. 48
- 17-7-2008 - Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND về điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2008. 50

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3044/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch
sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thị trấn Củ Chi,
huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tại Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2007 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5033/TTr-TNMT- KH ngày 24 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010		Tăng (+), giảm (-) so với hiện trạng	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)	(9)=[(8)/(4)]*100
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN			379,40	100,00	379,40	100,00		
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	222,09	58,54	176,99	46,65	-45,10	-20,31
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	221,82	99,88	176,99	100,00	-44,83	-20,21
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	41,82	18,85	23,28	13,15	-18,54	-44,33
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	10,73	25,66			-10,73	-100,00
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	10,73	100,00			-10,73	-100,00
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC	31,09	74,34	23,28	100,00	-7,81	-25,12
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	180,00	81,15	153,71	86,85	-26,29	-14,61
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,27	0,12			-0,27	-100,00
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	157,29	41,46	202,41	53,35	45,12	28,69
2.1	Đất ở	OTC	55,48	35,27	64,29	31,76	8,81	15,88
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	55,48	100,00	64,29	100,00	8,81	15,88
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	96,01	61,04	132,37	65,40	36,36	37,87
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	8,96	9,33	10,02	7,57	1,06	11,83
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	2,75	2,86	2,75	2,08		

2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	15,50	16,14	22,56	17,04	7,06	45,55
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	1,81	11,68	1,81	8,02		
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	13,69	88,32	20,75	91,98	7,06	51,57
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	68,80	71,66	97,04	73,31	28,24	41,05
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	52,53	76,35	66,24	68,26	13,71	26,10
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	1,72	2,50	1,78	1,83	0,06	3,49
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	2,06	2,99	8,66	8,92	6,60	320,39
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,10	0,15	0,20	0,21	0,10	100,00
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	10,79	15,68	13,98	14,41	3,19	29,56
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,88	1,28	4,96	5,11	4,08	463,64
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,72	1,05	0,72	0,74		
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC			0,50	0,52	0,50	
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	3,68	2,34	3,68	1,82		
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,12	1,35	2,07	1,02	-0,05	-2,36
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	0,02	0,01			-0,02	-100,00
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0,02	0,01			-0,02	-100,00

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	45,12

1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	44,85
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	18,54
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	10,73
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	26,31
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.4	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	

c) Diện tích đất phải thu hồi

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	45,12
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	44,85
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	18,54
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	10,73
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	26,31
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,27
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,03
2.1	Đất ở	OTC	1,69
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,69
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1,29
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,43
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,86
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,05
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

d) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,02
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	0,02
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,02

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 (tỷ lệ 1/2.000) và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi lập ngày 24 tháng 8 năm 2007.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		379,40	379,40	379,40	379,40	379,40
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	217,92	201,54	194,61	189,28	176,99
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	217,92	201,54	194,61	189,28	176,99
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	39,44	27,71	26,04	24,35	23,28
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	8,76	1,52			
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	8,76	1,52			

1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC ^(a)	30,68	26,19	26,04	24,35	23,28
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	178,48	173,83	168,57	164,93	153,71
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	161,48	177,86	184,79	190,12	202,41
2.1	Đất ở	OTC	59,04	61,85	62,51	63,69	64,29
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	59,04	61,85	62,51	63,69	64,29
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	96,69	110,26	116,53	120,68	132,37
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	9,19	9,24	10,02	10,02	10,02
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	2,75	2,75	2,75	2,75	2,75
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	16,07	22,56	22,56	22,56	22,56
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	1,81	1,81	1,81	1,81	1,81
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	14,26	20,75	20,75	20,75	20,75
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	68,68	75,71	81,20	85,35	97,04
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	52,05	52,05	54,55	54,55	66,24
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	1,78	1,78	1,78	1,78	1,78
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	2,06	5,66	6,86	9,66	8,66
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT		0,20	0,20	0,20	0,20
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	10,95	12,03	13,63	13,98	13,98
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	1,12	2,77	2,96	3,96	4,96
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,72	0,72	0,72	0,72	0,72
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC		0,50	0,50	0,50	0,50
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	3,68	3,68	3,68	3,68	3,68
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,07	2,07	2,07	2,07	2,07

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	45,12	4,19	16,38	6,93	5,33	2,29
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	44,85	3,92	16,38	6,93	5,33	2,29
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	18,54	2,38	11,73	1,67	1,69	,07
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	10,73	1,97	7,24	1,52		
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	26,31	1,54	4,65	5,26	3,64	11,22
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,27	0,27				

3. Kế hoạch thu hồi đất

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	45,12	4,19	16,38	6,93	5,33	12,29
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	44,85	3,92	16,38	6,93	5,33	12,29
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	18,54	2,38	11,73	1,67	1,69	1,07
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	10,73	1,97	7,24	1,52		

1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	26,31	1,54	4,65	5,26	3,64	11,22
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,27	0,27				
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	NKN	3,03	0,79	1,20	1,01		0,03
2.1	Đất ở	OTC	1,69		0,65	1,01		0,03
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,69		0,65	1,01		0,03
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1,29	0,74	0,55			
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	0,43	0,03	0,40			
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,86	0,71	0,15			
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,05	0,05				

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích đất CSD đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,02	0,02				
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	0,02	0,02				-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN						
	<i>Trong đó: Đất trồng lúa</i>	LUA						
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,02	0,02				

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu được duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3045/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của huyện Củ Chi**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5034/TTr-TNMT-KH ngày 24 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của huyện Củ Chi với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010		Tăng (+), giảm (-) so với hiện trạng	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN			43.496,6	100,00	43.496,6	100,00		

1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	33.320,5	76,60	28.214,0	64,86	-5.106,5	-15,33
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	32.493,5	97,52	26.515,1	93,98	-5.978,5	-18,40
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	18.153,9	55,87	12.268,4	46,27	-5.885,5	-32,42
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.343,8	79,01	5.810,9	47,36	-8.532,9	-59,49
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	14.343,8	100,00	5.810,9	100,00	-8.532,9	-59,49
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC	3.810,1	20,99	6.457,5	52,64	2.647,5	69,49
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.339,6	44,13	14.246,6	53,73	-93,0	-0,65
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	104,2	0,31	868,8	3,08	764,6	733,71
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	48,7	46,69	863,8	99,42	815,1	1.675,11
1.2.1.2	Đất có rừng trồng sản xuất	RST	48,7	100,00	48,7	5,63		
1.2.1.4	Đất trồng rừng sản xuất	RSM	-		815,1	94,37	815,1	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	55,6	53,31	5,0	0,58	-50,6	-90,93
1.2.2.1	Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	RPN	0,5	0,86	0,5	9,52		
1.2.2.2	Đất có rừng trồng phòng hộ	RPT	55,1	99,14	4,6	90,48	-50,5	-91,72
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	407,3	1,22	446,3	1,58	39,0	9,60
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	315,5	0,95	383,8	1,36	68,3	21,65
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	9.531,7	21,91	15.282,6	35,14	5.750,9	60,33
2.1	Đất ở	OTC	1.773,1	18,60	2.276,5	14,90	503,4	28,39
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.717,6	96,87	1.894,6	83,23	177,0	10,30
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	55,5	3,13	381,8	16,77	326,3	588,25
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	6.255,6	65,63	11.004,7	72,01	4.749,1	75,92

2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	457,2	7,31	67,5	0,61	-389,7	-85,23
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	677,8	10,84	828,0	7,52	150,2	22,15
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	1.601,5	25,60	4.286,5	38,95	2.685,0	167,66
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	767,8	47,94	1.925,6	44,92	1.157,8	150,80
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	758,8	47,38	2.286,0	53,33	1.527,2	201,26
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,1	0,01	0,1	0,00		
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	74,7	4,67	74,7	1,74		
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	3.519,0	56,25	5.822,7	52,91	2.303,7	65,46
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	2.100,9	59,70	2.515,6	43,20	414,7	19,74
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	810,7	23,04	817,7	14,04	7,0	0,87
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, TT	DNT	3,5	0,10	3,8	0,07	0,3	10,06
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	57,0	1,62	782,5	13,44	725,5	1.272,62
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	9,2	0,26	121,4	2,09	112,2	1.217,14
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	153,0	4,35	395,3	6,79	242,3	158,30
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	28,8	0,82	255,0	4,38	226,2	784,67
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	6,1	0,17	14,1	0,24	8,0	132,95
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	91,8	2,61	91,6	1,57	-0,2	-0,23
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	257,9	7,33	825,4	14,18	567,5	220,05
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	35,0	0,37	33,1	0,22	-1,9	-5,48
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	290,4	3,05	454,0	2,97	163,6	56,36

2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	1.160,7	12,18	1.497,4	9,80	336,7	29,01
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,9	0,18	16,9	0,11		
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	644,4	1,48			-644,4	-100,00
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	644,4	6,76			-644,4	-100,00

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHUYỂN SANG PHI NÔNG NGHIỆP	NNP/PNN	5.702,5
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	5.630,2
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	4.282,6
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	3.659,9
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.347,6
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	50,5
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	50,5
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,00
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	19,1
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	2,7
2	CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NỘI BỘ ĐẤT NÔNG NGHIỆP		1.533,4
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN	1.475,2
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP	0,0
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS	58,2

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	5702,5
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	5630,2
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	4282,6
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3659,9
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1347,6
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	50,5
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	50,5
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	19,1
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,7
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	NKN	130,7
2.1	Đất ở	OTC	61,8
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	60,1
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,7
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	52,0
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	1,3
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	40,7
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	10,0
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,9
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	9,7
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	5,3
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

d) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	596,0
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	1,6

1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1,5
	<i>Trong đó: Đất trồng lúa</i>	LUA	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,1
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	594,4
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	594,4
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	48,4
2.1	Đất ở	OTC	
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	46,1
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	44,6
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	2,3

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/10.000) và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi lập ngày 16 tháng 01 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) huyện Củ Chi với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		43.496,6	43.496,6	43.496,6	43.496,6	43.496,6
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	32.502,0	30.901,5	29.994,9	29.289,3	28.214,0
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	31.521,1	29.741,4	28.702,4	27.822,3	26.515,0

1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	17.410,4	15.849,9	14.587,0	13.641,1	12.268,4
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	13.088,9	11.056,1	8.766,5	6.996,8	5.810,9
1.1.1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	13.088,9	11.056,1	8.766,5	6.996,8	5.810,9
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC ^(a)	4.321,5	4.793,8	5.820,4	6.644,4	6.457,5
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.110,7	13.891,5	14.115,4	14.181,1	14.246,6
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	244,7	346,6	462,3	637,4	868,8
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	189,6	341,6	457,2	632,3	863,8
1.2.1.2	Đất có rừng trồng sản xuất	RST	48,7	48,7	48,7	48,7	48,7
1.2.1.4	Đất trồng rừng sản xuất	RSM	141,0	292,9	408,6	583,7	815,1
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	55,0	5,0	5,0	5,0	5,0
1.2.2.1	Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	RPN	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
1.2.2.2	Đất có rừng trồng phòng hộ	RPT	54,5	4,5	4,5	4,5	4,5
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	423,2	429,4	446,2	445,9	446,3
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	313,0	384,0	384,0	383,8	383,8
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	10.477,3	12.196,7	13.194,9	14.049,7	15.282,6
2.1	Đất ở	OTC	1.838,0	1.937,1	2.025,3	2.116,0	2.276,4
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.716,9	1.750,9	1.758,0	1.783,4	1.894,6
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	121,2	186,2	267,2	332,7	381,8
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	7.137,1	8.637,1	9.201,3	9.955,8	11.004,7

2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	62,0	63,3	65,9	67,6	67,6
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	677,8	777,8	813,0	813,0	823,0
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.934,8	2.876,1	3.261,4	3.508,5	4.286,5
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	942,8	1.302,8	1.487,5	1.657,5	1.925,6
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	917,2	1.498,4	1.699,1	1.776,2	2.286,0
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	74,7	74,7	74,7	74,7	74,7
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	4.462,5	4.919,9	5.061,1	5.566,8	5.822,7
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	2.253,0	2.324,7	2.365,6	2.488,0	2.515,6
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	818,0	819,3	819,3	819,3	817,7
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	3,8	3,8	3,8	3,8	3,8
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	592,4	745,9	779,2	792,5	782,5
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	9,6	116,2	116,8	119,7	121,4
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	194,6	308,8	367,7	378,8	395,3
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	232,3	237,2	241,8	251,5	255,0
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	8,4	10,4	10,8	12,2	14,1
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	91,8	91,6	91,6	91,6	91,6
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	258,4	262,1	264,3	609,3	825,4

2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	33,9	33,2	33,2	33,1	33,1
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	290,7	412,5	440,5	450,1	454,0
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	1.160,7	1.159,9	1.477,7	1.477,7	1.497,4
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,9	16,9	16,9	16,9	16,9
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	517,2	398,3	306,8	157,5	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	517,2	398,3	306,8	157,5	

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHUYỂN SANG PHI NÔNG NGHIỆP	NNP/PNN	5.702,5	938,9	1.719,4	995,8	854,2	1.194,2
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	5.630,2	934,4	1.668,0	995,1	844,9	1.187,7
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	4.282,6	580,1	1.260,6	876,6	568,3	996,9
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	3.659,8	422,2	1.135,2	734,8	390,6	977,0
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.347,6	354,3	407,4	118,4	276,6	190,8

1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	50,5	0,5	50,0			
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	50,5	0,5	50,0			
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	19,1	1,5	1,4	0,7	9,0	6,5
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	2,7	2,4			0,2	
2	CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NỘI BỘ ĐẤT NÔNG NGHIỆP		1.533,4	165,0	228,8	386,3	377,5	375,8
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN	1.475,2	147,5	221,3	368,8	368,8	368,8
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP						
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS	58,2	17,4	7,6	17,4	8,7	7,0

3. Kế hoạch thu hồi đất

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	5.702,5	938,9	1.719,4	995,8	854,2	1.194,2

1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	5.630,2	934,4	1.668,0	995,1	844,9	1.187,7
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	4.282,6	580,1	1.260,6	876,7	568,3	996,9
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.659,9	422,2	1.135,2	734,8	390,6	977,0
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.347,6	354,3	407,4	118,4	276,6	190,8
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	50,5	0,5	50,0			
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	50,5	0,5	50,0			
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	19,1	1,5	1,4	0,7	9,0	6,5
1.4	Đất nông nghiệp khác	NNK	2,7	2,5			0,2	
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	130,7	12,6	48,5	12,4	15,3	41,8
2.1	Đất ở	OTC	61,8	0,7	11,0	3,3	9,0	37,7
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	60,1	0,7	10,4	2,4	8,9	37,7
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,7		0,6	0,9	0,1	-
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	52,0	5,9	34,3	4,4	5,7	1,7
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	1,3	0,7	0,5		0,1	
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	40,7	1,4	32,1	0,6	5,1	1,4
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	15,2	3,8	1,6	3,8	0,4	5,5
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,9	1,2	0,7		0,1	
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	9,7	4,8	1,8	0,1	0,5	2,4
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	5,3		0,7	4,5		

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích đất CSD đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	596,0	120,5		89,2	148,6	237,7
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	1,6	1,6				
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1,5	1,5				
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,1	0,1				
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	594,4	118,9		89,2	148,6	237,7
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	594,4	118,9		89,2	148,6	237,7
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	48,4	6,7		2,3	0,7	38,6
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	46,0	6,7			0,7	38,6
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	44,6	6,0				38,6
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	1,4	0,7			0,7	

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu được duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 5**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2008/NQ-HĐND

*Quận 5, ngày 14 tháng 7 năm 2008***NGHỊ QUYẾT****Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 5
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi nghe các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận, phát biểu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận và ý kiến của các đại biểu;

Kỳ họp thứ 12 Hội đồng nhân dân quận 5 khóa IX được tổ chức vào ngày 11 tháng 7 năm 2008,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí với báo cáo 6 tháng đầu năm, chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2008 của Thường trực Hội đồng nhân dân quận.

Tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và các ngành về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2008, các biện pháp thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2008.

Ghi nhận ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận phát biểu trong kỳ họp.

Hội đồng nhân dân quận 5 nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2008:

Qua thảo luận của các đại biểu và trả lời chất vấn của Ủy ban nhân dân, các ban - ngành quận, Hội đồng nhân dân quận thống nhất với đánh giá hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong 6 tháng đầu năm 2008. Cụ thể như sau:

- Doanh số thương mại - dịch vụ toàn quận ước đạt 21.940 tỷ đồng, tăng 21% so cùng kỳ năm trước.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 122,087 triệu USD.

- Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt trên 2.278 tỷ đồng, tăng 15,76% so với cùng kỳ năm trước.

- Ước thu ngân sách nhà nước 6 tháng ước đạt 507,4 tỷ đồng, đạt 52% dự toán năm, tăng 42% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, ước thu thuế công thương nghiệp là 384 tỷ đồng, đạt 47% kế hoạch năm, tăng 39% so với cùng kỳ.

- Ước thu ngân sách quận 6 tháng là 130,436 tỷ đồng; đạt 55% kế hoạch năm, tăng 49% so cùng kỳ năm trước; chi ngân sách quận là 102 tỷ đồng; đạt 43% kế hoạch năm, tăng 21% so cùng kỳ.

- Giá trị đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình bằng nguồn vốn ngân sách thực hiện trong 6 tháng ước đạt 18 tỷ đồng, đạt 36,09 % so với kế hoạch năm.

- Công tác thu tiền thuê nhà ước đạt 5,8 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch. Đã xét bán 428 căn nhà với số tiền hơn 27 tỷ đồng.

- Quận đã cấp 342 giấy phép xây dựng, 626 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất diện mua nhà theo Nghị định số 61/NĐ-CP, cấp 2.150 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

- Tỷ lệ học sinh lớp 5 và lớp 9 hoàn thành bậc học đạt 100%. Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục công nhận quận 5 đạt chuẩn về chống mù chữ và phổ cập giáo dục năm 2007.

- Tạo việc làm cho 2.712/5.000 lượt người, đạt 54,24% kế hoạch năm.

- Đào tạo nghề cho 8.512/17.000 lượt người, đạt 50,1% kế hoạch năm.

Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu như tốc độ tăng trưởng kinh tế, doanh thu thương mại - dịch vụ, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thu ngân sách đều tăng so với cùng kỳ năm 2007. Tuy nhiên giá trị xây dựng cơ bản, chỉ tiêu

thu thuế trong 6 tháng đầu năm chưa đạt kế hoạch. Phạm pháp hình sự, tai nạn giao thông tăng so với cùng kỳ. Trật tự - vệ sinh môi trường có chuyển biến nhưng chưa được duy trì thường xuyên.

II. VỀ NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2008:

Ngoài nhiệm vụ và các giải pháp đã được Ủy ban nhân dân quận nêu trong báo cáo, Hội đồng nhân dân quận 5 đề nghị Ủy ban nhân dân quận lưu ý:

1. Về kinh tế:

- Phần đầu doanh thu thương mại - dịch vụ tăng từ 19% - 21%; giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 14% - 16% so với thực hiện năm 2007. Phần đầu hoàn thành 100% chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước và thu thuế công thương nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thu - chi ngân sách quận năm 2009.

2. Về xây dựng cơ bản - quản lý đô thị:

- Hoàn thành đưa vào sử dụng công trình mở rộng Trường Hàm Tử, kho tàng vật của Công an quận, trụ sở Ủy ban nhân dân - Phường đội phường 1 và công viên dọc tuyến Hải Thượng Lãn Ông.

- Tiếp tục thi công: chung cư 155 Nguyễn Chí Thanh, chung cư 402 Hàm Tử, nhà liên kế 12 - 28 Nguyễn Tri Phương.

- Tổ chức đấu thầu các công trình: Trung tâm Thương mại - Dịch vụ Tân Đà, trụ sở Ủy ban nhân dân các phường 2, 4, 7, 12, Hội Chũ thập đỏ, Trường Trần Quốc Toản, Lý Cảnh Hón, Nguyễn Đức Cảnh.

- Hoàn tất việc cải tạo, nâng cấp 3 tuyến đường, 29 hẻm và 12 vỉa hè theo kế hoạch.

- Duy trì thực hiện kế hoạch chấn chỉnh, lập lại trật tự đô thị, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trên địa bàn quận.

3. Về văn hóa - xã hội:

- Tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về văn hóa giao tiếp, ứng xử trong công sở, cộng đồng dân cư. Tổng kết 1 năm thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” trên địa bàn quận.

- Triển khai thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh năm học 2008 - 2009. Có kế hoạch sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, khai giảng năm học 2008 - 2009.

- Đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận và kiểm tra, xử lý vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Triển khai kế hoạch chăm lo diện chính sách, có công nhân dịp kỷ niệm 61 năm ngày Thương binh liệt sĩ.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm. Phần đầu đạt chỉ tiêu 358 hộ nghèo vượt chuẩn có mức thu nhập trên 10 triệu đồng/người/năm.

- Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi phương tiện, ngành nghề cho người sử dụng xe 3, 4 bánh tự chế theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. An ninh - quốc phòng:

Giữ vững ổn định an ninh chính trị. Thường xuyên mở đợt cao điểm tấn công các loại tội phạm. Tăng cường tuần tra, chốt chặn, thực hiện trấn áp liên tục để loại trừ các băng nhóm tội phạm. Phần đầu kiểm chế, kéo giảm phạm pháp hình sự, cháy nổ, tai nạn giao thông trên địa bàn.

5. Cải cách hành chính:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/2008/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường các biện pháp để góp phần giảm lạm phát, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí.

- Thường trực Ủy ban nhân dân quận bố trí thời gian tăng cường đi cơ sở, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành công tác của đơn vị.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị cử tri. Nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở, hạn chế tình trạng khiếu nại vượt cấp.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000, đồng thời triển khai thực hiện xây dựng mạng LAN tại 9 phường còn lại.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận căn cứ ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, hai Ban Hội đồng nhân dân, của đại biểu đã nêu tại kỳ họp và bản tổng hợp kiến nghị của cử tri để chỉ đạo các phòng, ban liên quan xem xét giải quyết. Đồng thời có kế hoạch cụ thể tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp hoạt động và tăng cường giám sát, kiểm tra kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh thiếu sót trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận và các tổ chức thành viên tuyên truyền phổ biến nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, kịp thời phát hiện những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung, phản ánh với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận, khóa IX, kỳ họp lần thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Đặng Công Luận

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2008/NQ-HĐND

Quận 5, ngày 14 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về quyết toán ngân sách năm 2007**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 5**
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét báo cáo quyết toán ngân sách năm 2007, tình hình thực hiện ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 5, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội trình bày tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 12 - khóa IX và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận 5,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách quận 5 năm 2007 như sau****1. Ngân sách nhà nước:**

Tổng thu ngân sách nhà nước: 849,023 tỷ đồng, đạt 110% dự toán (770,730 tỷ đồng), tăng 27% so với cùng kỳ (668,521 tỷ đồng); trong đó thuế công thương nghiệp là 590,279 tỷ đồng, đạt 93% dự toán năm (635,230 tỷ đồng), tăng 26% so với cùng kỳ (468,525 tỷ đồng).

2. Ngân sách quận:

- Tổng thu ngân sách quận: 339,029 tỷ đồng, đạt 176% dự toán (192,233 tỷ đồng), tăng 24% so với cùng kỳ (272,783 tỷ đồng).

- Tổng chi ngân sách quận: 223,982 tỷ đồng, đạt 117% dự toán (192,233 tỷ đồng), tăng 5% so với cùng kỳ (212,979 tỷ đồng).

Điều 2. Ghi nhận tình hình thực hiện ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2008

- Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2008 được Hội đồng nhân dân quận thông qua tại kỳ họp lần thứ 11 ngày 17 tháng 12 năm 2007;

- Căn cứ vào báo cáo của Ủy ban nhân dân quận 5 tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận 5 lần thứ 12 ngày 11 tháng 7 năm 2008.

Hội đồng nhân dân quận 5 ghi nhận:

1. Về ngân sách nhà nước:

Ước thu ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2008 là 507,4 tỷ đồng, đạt 52% dự toán năm (982,8 tỷ đồng), tăng 42% so với cùng kỳ (356,148 tỷ đồng).

Trong đó, ước thu thuế công thương nghiệp đạt 384 tỷ đồng, đạt 47% so với kế hoạch được giao (825 tỷ đồng), tăng 39% so với cùng kỳ (276,468 tỷ đồng).

2. Về ngân sách quận:

- Ước thu ngân sách quận: 130,436 tỷ đồng, đạt 55% dự toán năm (237,510 tỷ đồng), tăng 49% so với cùng kỳ (87,412 tỷ đồng).

- Ước chi ngân sách quận: 102 tỷ đồng, đạt 43% dự toán năm (237,510 tỷ đồng) và tăng 21% so với cùng kỳ (84,511 tỷ đồng).

3. Về đầu tư - xây dựng cơ bản:

a) Nguồn ngân sách tập trung của thành phố:

Thành phố giao kế hoạch năm 2008 là 15,180 tỷ đồng, khối lượng thực hiện trong 6 tháng đầu năm là 1,825 tỷ đồng, đạt 12% kế hoạch. Ước giải ngân 5,7 tỷ đồng, bao gồm cả những công trình có khối lượng hoàn thành năm trước nhưng chưa giải ngân.

b) Nguồn ngân sách tập trung - phân cấp cho quận quản lý:

Kế hoạch thành phố giao 10 tỷ đồng, Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch tạm giao 32 công trình với tổng giá trị 22,075 tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi, sửa chữa trường học, trạm y tế phường...

Trong 6 tháng đầu năm ước giá trị khối lượng xây lắp là 8,655 tỷ đồng, đạt 39,2% kế hoạch.

c) Nguồn ngân sách quận:

Kế hoạch năm 2008 được giao là 5,015 tỷ đồng. Ước thực hiện giá trị khối lượng xây lắp 6 tháng đầu năm là 4,520 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch năm.

* Như vậy, ước thực hiện giá trị khối lượng xây lắp 6 tháng đầu năm từ 3 nguồn ngân sách trên là 18 tỷ đồng (trong đó có 3 tỷ đồng thực hiện các công trình ngoài kế hoạch), đạt 36,09% kế hoạch năm.

Điều 3. Về phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2008

Hội đồng nhân dân quận chấp thuận phương hướng, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm do Ủy ban nhân dân quận báo cáo tại kỳ họp. Đề nghị Ủy ban nhân dân quận lưu ý một số nội dung sau:

- Tập trung chỉ đạo các ngành phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Thực hiện chi tiêu tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

- Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và các công trình sửa chữa lớn; có biện pháp tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao.

- Triển khai công tác dự toán và phân bổ ngân sách năm 2009.

- Hội đồng nhân dân quận 5 đồng ý thông qua Tờ trình số 1680/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về *bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2008* như sau (đính kèm Tờ trình):

+ Chuyển số tiết kiệm chi ngân sách quận bổ sung nguồn vốn Quỹ Xóa đói giảm nghèo của quận 1.000.000.000 đồng phục vụ cho nhu cầu vay vốn và chuyển đổi xe 3, 4 bánh của các hộ nghèo.

+ Trang bị cho Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương 07 (bảy) xe chuyên dùng phục vụ cho nhu cầu đạo tạo nghề lái xe từ nguồn thu học phí của trường.

+ Bổ sung kinh phí cho các đơn vị:

* Trang bị 01 (một) xe chuyên dùng cho Trung tâm Y tế Dự phòng quận 5.

* Bổ sung 245.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5 để xây dựng hệ thống ISO và nâng cấp kho lưu trữ Ủy ban nhân dân quận.

* Bổ sung 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) để thực hiện khảo sát, lập phương án phân loại tài liệu lưu trữ tại 8 phường.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận, Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm tổ chức, quản lý và điều hành việc thực hiện ngân sách đúng theo quy định. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát và sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước cũng như các nguồn vốn huy động.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quận, Ban Kinh tế - Xã hội tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện ngân sách đến hết năm 2008, bảo đảm quyết toán đúng chính sách và quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khóa IX, kỳ họp lần thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Đặng Công Luận

QUẬN BÌNH THẠNH**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2008/NQ-HĐND

*Bình Thạnh, ngày 11 tháng 7 năm 2008***NGHỊ QUYẾT****Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11***(Từ ngày 10 đến ngày 11 tháng 7 năm 2008)*

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo, tờ trình của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân quận; các báo cáo và tờ trình của Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan; báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận,

QUYẾT NGHỊ:

1. Nhất trí với báo cáo của Hội đồng nhân dân về hoạt động 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2008.

2. Nhất trí đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách trên địa bàn quận trong 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ và các biện pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2008 đã nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan.

Hội đồng nhân dân quận nhấn mạnh một số nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2008:

Ủy ban nhân dân quận đã có nhiều nỗ lực trong tổ chức điều hành thực hiện

nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2008 đạt được một số kết quả trên nhiều mặt. Hầu hết các chỉ tiêu thực hiện đều tăng so với cùng kỳ, hoạt động sản xuất - kinh doanh tiếp tục phát triển;

Phát huy hiệu quả việc thực hiện quy trình quản lý chất lượng ISO góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Các hoạt động chăm sóc sức khỏe và chăm lo các gia đình chính sách, có công, người có hoàn cảnh khó khăn luôn được quan tâm thực hiện; có nhiều nỗ lực trong công tác bảo trợ xã hội và xóa đói giảm nghèo. Phát huy dân chủ cơ sở, huy động sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong việc thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội... và “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” bước đầu đạt được kết quả nhất định; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên vẫn còn một số mặt tồn tại, hạn chế như: tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, các công trình trọng điểm, chỉnh trang và nâng cấp chợ, quy hoạch chi tiết 1/2000, quy hoạch phát triển kinh tế đến năm 2020 vẫn còn chậm; công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, khiếu kiện, kiến nghị của công dân tuy có tập trung nhưng số đơn dân nguyện còn tồn đọng khá nhiều; phạm pháp hình sự và phát sinh mới người nghiện ma túy có chiều hướng gia tăng phức tạp. Công tác cải cách hành chính có đạt được một số kết quả nhất định, nhưng nhìn chung việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở còn chậm, gây phiền hà cho dân.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

1. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân quận:

Thường trực Hội đồng nhân dân quận và các Ban Hội đồng nhân dân quận có kế hoạch và tăng cường công tác kiểm tra giám sát, khảo sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các ngành chức năng về thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận một cách có hiệu quả.

2. Nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý của Ủy ban nhân dân quận:

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân quận tiếp tục chỉ đạo điều hành theo Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm

2008; Chương trình số 73/CTr-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2008 về chương trình làm việc của Ủy ban nhân dân quận, Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2008 về kế hoạch thực hiện “Năm 2008 - năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”, trong đó cần tập trung:

- Ngoài các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được Nghị quyết Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 10 xác định, Ủy ban nhân dân quận sớm bổ sung vào kế hoạch chỉ đạo điều hành 6 tháng cuối năm những nội dung đã trình và được Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp 11 lần này.

- Rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng đơn vị, từng phường để bổ sung, nhiệm vụ, biện pháp kế hoạch cụ thể nhằm triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2008 theo kế hoạch đã đề ra.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo gắn nhiệm vụ chuyên môn với tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và thực hiện có hiệu quả kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn; củng cố hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường.

2.1. Về kinh tế:

Tiếp tục phấn đấu đạt mức tăng trưởng sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên 7% và mức tăng doanh thu thương mại, dịch vụ 18% trở lên so thực hiện năm 2007. Cần tập trung các biện pháp sau đây:

- Hoàn thành thực hiện liên thông giữa Ủy ban nhân dân quận với Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước quận trong việc đăng ký kinh doanh và cấp mã số thuế. Tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc và đối thoại với các doanh nghiệp.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện, biện pháp để thực hiện chuyển đổi ngành nghề kinh doanh (trong điều kiện có thể) và chuyển đổi phương tiện kinh doanh cho các trường hợp hành nghề xe ba, bốn bánh tự chế (xe ba gác máy, xe ba gác đạp)

- Tăng cường kiểm tra thường xuyên và đột xuất, kiên quyết xóa các tụ điểm họp chợ lấn chiếm lòng lề đường, tiếp tục tập trung xử lý dứt điểm các trường hợp tái lấn chiếm tại các khu vực chợ tự phát, chợ tạm đã giải tỏa.

- Tăng cường công tác hậu kiểm; xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm trong đăng ký và hoạt động kinh doanh của các đơn vị.

- Hoàn thành đồ án quy hoạch cụm kinh tế trên địa bàn quận Bình Thạnh đến năm 2020 theo đề cương được Hội đồng nhân dân quận thông qua.

2.2. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và bồi thường, giải phóng mặt bằng:

Đẩy nhanh tiến độ lập, hoàn thành thiết kế dự toán kỹ thuật đối với các dự án trọng điểm và các dự án trong danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008, phần đầu 80 - 95% dự án trong danh mục được khởi công và hoàn thành thủ tục. Cần tập trung:

- Thực hiện khởi công: xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân phường 2, 22, 25, hồ bơi Trường Tiểu học Chu Văn An, Trường Tiểu học Cửu Long và hoàn thành, bàn giao dự án Trường Tiểu học Bình Quới Tây; chủ động phối hợp với Sở Giao thông vận tải hoàn thành việc điều chỉnh giá gói thầu, phê duyệt tổng dự toán, kết quả trúng thầu và khởi công dự án công hợp 125 Đinh Tiên Hoàng.

- Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng để khởi công dự án: Chung cư Trường Sa; thoát nước Phan Văn Hân, Trường Cán bộ thành phố, cầu Thủ Thiêm, công hợp 125 Đinh Tiên Hoàng;

- Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của thành phố: Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài; tuyến đường sắt Bến Thành - Suối Tiên, cầu đường Bình Triệu 2, dự án chống sạt lở đoạn 1.3... Hoàn thành việc bố trí tái định cư cho các hộ tạm cư tại khu Bạch Đàn phường 27.

- Triển khai thực hiện dứt điểm việc đền bù của 2 dự án trong khu dân cư Bình Hòa theo Nghị định số 22/CP. Hoàn chỉnh phương án, triển khai bồi thường, giải tỏa theo Nghị định số 84/2007/NĐ-CP đối với các dự án còn lại.

- Hoàn chỉnh danh mục các dự án đầu tư trên địa bàn quận và công khai cụ thể nhằm kêu gọi đầu tư.

- Rà soát tính hiệu quả và khả thi toàn bộ các dự án công trình kéo dài nhưng chưa thực hiện, chưa khởi công, đề nghị cắt giảm, chống lãng phí.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra các điểm có nguy cơ sạt lở cao và phối hợp chặt chẽ với các sở - ngành thành phố kịp thời giải quyết các vướng mắc khó khăn đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu dự án chống sạt lở trên địa bàn quận.

2.3. Về quản lý đô thị:

- Đôn đốc Thành phố sớm phê duyệt đồ án quy hoạch chung và hoàn tất việc điều chỉnh và lập mới quy hoạch chi tiết 1/2000 trên địa bàn quận.

- Có kế hoạch và biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác cấp giấy chứng

nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và cấp giấy chứng nhận cho các trường hợp được giải quyết bán nhà theo Nghị định số 61/CP của Chính phủ; đảm bảo (đến cuối tháng 8 năm 2008) hoàn thành cơ bản việc giải quyết hồ sơ tồn đọng từ năm 2007 trở về trước và phần đầu hết quý III năm 2008 trở đi giải quyết hồ sơ đúng hạn theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện kiểm kê quỹ đất công đã được Nhà nước giao quản lý sử dụng theo Chỉ thị 31 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án bảo vệ môi trường (giai đoạn 2006 - 2010) năm 2008. Hoàn thành kế hoạch thực hiện chỉnh trang nhà ven kênh rạch, nhà lụp xụp và chung cư hư hỏng trên địa bàn quận.

- Tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước về xây dựng, đất đai và môi trường trên địa bàn quận.

2.4. Về văn hóa - xã hội:

Song song với phát triển kinh tế và hạ tầng kỹ thuật phải gắn với nâng cao đời sống xã hội, cần tập trung:

- Thực hiện tốt kế hoạch ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”, đảm bảo nhận đủ số học sinh đến tuổi vào học các cấp năm học 2008 - 2009, phần đầu học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, 100% học sinh hoàn thành tiểu học vào lớp 6 các hệ, 95% học sinh hoàn thành trung học cơ sở vào lớp 10 các hệ; duy trì kết quả hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và bậc trung học.

- Triển khai kế hoạch thực hiện Quyết định 13 của Ủy ban nhân dân thành phố về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình theo Nghị quyết số 47 của Bộ Chính trị.

- Thường xuyên thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh, xử lý ô dịch, không để phát sinh dịch sốt xuất huyết trên địa bàn quận; kiểm tra và xử lý kiên quyết các trường hợp vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống dịch cúm gia súc - gia cầm. Thực hiện 100% trẻ trong độ tuổi uống Vitamin A đợt 2 năm 2008.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội cho các diện theo quy định. Hoàn thành chỉ tiêu giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, tập trung trợ giúp hộ cận nghèo có thu nhập 8 đến 10 triệu đồng/người/năm, hoàn thành kết quả khảo sát hộ thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm theo chỉ đạo của thành phố. Tiếp tục hỗ trợ 24 hộ hiện đang có mức thu nhập dưới 6 triệu đồng ra khỏi chương trình. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn xóa đói giảm nghèo.

- Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa. Kiểm tra công nhận các mô hình văn hóa năm 2008 đảm bảo đúng tiêu chuẩn, tránh hình thức.

- Tổng kết 03 năm thực hiện công tác quản lý giáo dục người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng. Thực hiện có hiệu quả việc thí điểm “Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone”.

2.5. Về công tác nội chính:

- Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị; thực hiện có hiệu quả công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội; tập trung các biện pháp kéo giảm tai nạn giao thông; xử lý và khống chế các tụ điểm ma túy mới phát sinh trên địa bàn. Phân đấu kéo giảm 10 - 12% số vụ phạm pháp hình sự.

- Triển khai thực hành diễn tập DT’08 đạt kết quả cao và hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân nghĩa vụ quân sự ở cả 2 cấp (quận và phường).

- Tăng cường công tác tiếp công dân của Thường trực Ủy ban nhân dân quận và Trưởng các phòng, ban; tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân có hiệu quả, đúng luật định, không để tồn đọng dẫn đến phức tạp.

- Tăng cường kiểm tra công tác phòng, chống cháy, nổ và hoàn thành kế hoạch chuyển hóa 16 khu dân cư dễ cháy trên địa bàn.

2.6. Công tác cải cách hành chính:

- Công khai và thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống quản lý chất lượng ISO; nâng cấp đường truyền mạng nội bộ và các phần mềm tác nghiệp của Ủy ban nhân dân quận. Tổ chức sơ kết việc thí điểm kết nối mạng liên thông giữa quận với 05 phường thí điểm và triển khai thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” theo tinh thần Nghị định số 93/CP của Chính phủ, đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

- Sắp xếp biên chế và cơ quan chuyên môn theo Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ và Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo bộ máy chính quyền quận, phường hoạt động đồng bộ có hiệu quả.

- Hoàn chỉnh quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận và các quy chế, quy trình công vụ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận. Tăng cường kiểm tra việc thi hành công vụ đối với các cơ quan và cấp cơ sở thuộc quận.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Giao Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch chỉ đạo tổ chức điều hành, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân quận, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận phối hợp chặt chẽ, tăng cường giám sát, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót của Ủy ban nhân dân quận và các phòng, ban, đơn vị liên quan để đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận và các tổ chức thành viên Mặt trận tăng cường tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng, làm tốt vai trò giám sát và phối hợp, hỗ trợ với các cơ quan nhà nước động viên các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận.

- Hội đồng nhân dân quận kêu gọi các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ các ngành, các cấp nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết phát huy tính năng động sáng tạo, cần kiệm, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008 của quận.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận Bình Thạnh khóa IX, thông qua tại kỳ họp thường lệ lần thứ 11 ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Đinh Thị Lang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2008/NQ-HĐND

Bình Thạnh, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt quyết toán năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1065/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt quyết toán năm 2007, Báo cáo thẩm tra số 44/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với Tờ trình số 1065/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt quyết toán năm 2007.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh phối hợp với các Sở, ngành chức năng của Thành phố; chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chức năng quận hoàn thành các thủ tục quyết toán theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Bình Thạnh khóa IX, kỳ họp thường lệ lần thứ 11 ngày 11 tháng 7 năm 2008 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Đinh Thị Lang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2008/NQ-HĐND

Bình Thạnh, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung
tỷ lệ 1/5000 quận Bình Thạnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Bình Thạnh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 - Ban Chấp hành Đảng bộ quận khóa IX (mở rộng) số 11-NQ/QU ngày 20 tháng 12 năm 2007;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1116/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 quận Bình Thạnh; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 quận với các nội dung tại Tờ trình số 1116/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận phối hợp với các Sở, ngành chức năng của Thành phố, chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan hoàn thành các thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đồ án theo thẩm quyền và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 trên cơ sở đồ án

quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/5000 đã được duyệt; đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện việc công khai quy hoạch cho người dân nhằm đưa việc giám sát quản lý quy hoạch đi vào nề nếp, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tạo vẻ mỹ quan đô thị trên địa bàn quận.

Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân quận và tại kỳ họp lần thứ 12 Hội đồng nhân dân quận.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Bình Thạnh khóa IX, kỳ họp thường lệ lần thứ 11 ngày 11 tháng 7 năm 2008 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Đinh Thị Lang

HUYỆN CÀN GIỜ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CÀN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2008/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 17 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÀN GIỜ
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 15**

Căn cứ Điều 48, Điều 50 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét nội dung báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Báo cáo Thẩm tra của 2 Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ngành, thông báo của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí với Báo cáo 6 tháng đầu năm, Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2008 của Thường trực và hai Ban Hội đồng nhân dân huyện.

Thông qua Báo cáo về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và thống nhất với các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chỉ đạo thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện.

Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện trong 6 tháng đầu năm 2008:

Trong 6 tháng đầu năm, kinh tế - xã hội của huyện gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến không thuận lợi và tình hình lạm phát đã ảnh hưởng nhất định đến sự

tăng trưởng trong các lĩnh vực sản xuất thủy sản, công nghiệp, giao thông, xây dựng cơ bản và đời sống của nhân dân. Trước tình hình đó, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã có nhiều cố gắng thực hiện tốt các chỉ đạo của Trung ương, Thành phố đồng thời chủ động tìm kiếm các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, xây dựng cơ bản, kiểm soát giá cả thị trường, thực hiện trợ cấp cho các hộ nghèo, góp phần giữ vững tăng trưởng và ổn định kinh tế, xã hội. Cụ thể như sau:

1. Về kinh tế:

* Tổng giá trị sản xuất (GCD.94): 759,866 tỷ đồng, tăng 8,23% so với cùng kỳ và đạt 27,41% kế hoạch, trong đó:

- Thủy sản: giảm 20,81%, đạt 22,43% kế hoạch;
- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: giảm 26,54%, đạt 57,22% kế hoạch;
- Nông - lâm nghiệp: tăng 33,46%, đạt 42,04% kế hoạch;
- Giao thông - bưu điện: giảm 2,47%, đạt 40,38% kế hoạch;
- Đầu tư - xây dựng: tăng 45,57%, đạt 29% kế hoạch;
- Thương mại - dịch vụ: tăng 38,1%, đạt 50,26% kế hoạch;

* Tổng thu ngân sách nhà nước: tăng 3,8 lần, đạt 81,7% dự toán.

2. Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,48% so với kế hoạch (1,18%);
- Tỷ lệ học sinh hoàn tất chương trình tiểu học đạt 99,74%;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,72%;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 91,97%;
- Giải quyết việc làm cho 2.592 lao động, tăng 10,43% so cùng kỳ và đạt 57% kế hoạch. Có 292 lao động đã qua đào tạo;
- Tiêm chủng đủ 8 mũi cho trẻ em đạt 21,26% và tiêm ngừa bại liệt cho trẻ dưới 5 tuổi đạt 100%;
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng 8,32% so với kế hoạch (7,8%);
- Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 18,9% so với kế hoạch (19%).

Hội đồng nhân dân huyện đánh giá cao kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ đề

“Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 14/2007/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2007.

II. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008:

Ngoài các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện, trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thu - chi ngân sách, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008, Hội đồng nhân dân yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện lưu ý:

- Tiếp tục chỉ đạo việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường; theo dõi sát tình hình biến động vật giá, kịp thời có biện pháp để hỗ trợ sản xuất, ổn định đời sống cho các đối tượng thuộc diện chính sách, xã hội nghèo.

- Chỉ đạo giải quyết vốn cho sản xuất và đầu tư phát triển; chỉ đạo triển khai thực hiện các mô hình sản xuất và kinh doanh mới.

- Chỉ đạo tiếp tục giải quyết những tồn tại trong việc thi hành Luật Đất đai; đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch chung và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo triển khai các nhóm giải pháp để thực hiện các mục tiêu về giải quyết việc làm, giảm hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010 và Thông tri số 14-TT/HU của Huyện ủy về thực hiện xóa đói giảm nghèo đối với diện chính sách, có công.

- Chỉ đạo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đề án di dời 1.280 hộ; triển khai thực hiện đề án di dời 1.400 hộ sống ven sông, ven biển, vùng trũng thấp và trong rừng phòng hộ; đề án di dời và tái định cư nhân dân thuộc xã Thanh An.

- Tăng cường chỉ đạo, tìm kiếm biện pháp tháo gỡ những khó khăn trong đầu tư xây dựng cơ bản. Tiếp tục tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành vi trong thực hiện nếp sống văn minh đô thị, chú trọng việc tổ chức thực hiện ở các khu phố, tổ nhân dân; tăng cường xử phạt, xử lý nghiêm các vi phạm; Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn khắc phục tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư.

- Chỉ đạo các giải pháp đồng bộ trong thực hiện chương trình phổ cập giáo dục và chuẩn bị các điều kiện cho việc khai giảng năm học mới 2008 - 2009.

- Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách hành chính, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ việc sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Tăng cường công tác thanh tra công vụ.

- Đẩy mạnh việc triển khai các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện 7 chương trình kinh tế - xã hội và 10 nhóm công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010).

III. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát, kịp thời đôn đốc, kiến nghị chấn chỉnh những thiếu sót, chậm trễ trong việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các tổ chức thành viên, Đài Truyền thanh và Bản tin huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến và động viên các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 15, phiên họp ngày 11 tháng 7 năm 2008 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2008/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 17 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về tổng quyết toán ngân sách năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 15

Căn cứ khoản 3 Điều 19, Điều 48, Điều 50 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 49 và Điều 56 Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét, thảo luận Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc phê duyệt quyết toán ngân sách huyện Cần Giờ năm 2007 và báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng quyết toán ngân sách năm 2007 huyện Cần Giờ tại Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện, gồm:

- Tổng quyết toán thu ngân sách nhà nước năm 2007 trên địa bàn huyện là 122.963 triệu đồng, tăng 416% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện (122.963/29.510 triệu đồng).

- Tổng quyết toán thu ngân sách huyện năm 2007 là 253.391 triệu đồng, tăng 11% so với dự toán (253.391/226.935 triệu đồng).

- Tổng quyết toán chi ngân sách huyện năm 2007 là 204.913 triệu đồng, đạt 93,23% so với dự toán và tăng 19% so với năm 2006 (204.913/172.601 triệu đồng).

- Thống nhất chuyển 48.477 triệu đồng kết dư ngân sách huyện năm 2007 vào thu ngân sách huyện năm 2008.

Điều 2. Một số biện pháp điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2008

- Tiếp tục tăng cường công tác thu thuế trên địa bàn, thu đúng, thu đủ các nguồn thu theo quy định; tập trung đẩy mạnh phần thu ngoài quốc doanh, trong đó chú ý nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn;

- Nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sử dụng kinh phí, đảm bảo thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị, chi đúng chế độ, đúng dự toán, tăng cường chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm;

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra ở các xã, thị trấn và các đơn vị sử dụng ngân sách. Củng cố và tiếp tục nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực đội ngũ kế toán nhất là ở các xã, thị trấn, các đơn vị hành chính sự nghiệp theo Quyết định số 41/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ, công khai tài chính theo quy định;

- Hội đồng nhân dân huyện đề nghị các ngành, các cấp hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2008. Tăng cường vận động tuyên truyền các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân sản xuất - kinh doanh làm tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 15, phiên họp ngày 11 tháng 7 năm 2008 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2008/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 17 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 15

Căn cứ khoản 3 Điều 19, Điều 48, Điều 50 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 49 và Điều 56 Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét, thảo luận Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách huyện Cần Giờ năm 2008 và Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh dự toán ngân sách huyện năm 2008 tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện, gồm:

+ **Dự toán thu ngân sách nhà nước:** điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2008 từ 46.430 triệu đồng lên 69.600 triệu đồng (tăng 50% so với dự toán đầu năm).

+ **Dự toán thu ngân sách huyện:** điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2008 từ 143.360 triệu đồng lên 251.888 triệu đồng (tăng 115.291 triệu đồng so với dự toán đầu năm); trong đó:

- Thu điều tiết: 11.775 triệu đồng, tăng 6.291 triệu đồng.
- Thu trợ cấp ngân sách thành phố: 181.466 triệu đồng, tăng 43.591 triệu đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm 2007 chuyển sang: 48.477 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn: 5.563 triệu đồng.
- Thu vận động đóng góp: 4.602 triệu đồng.

+ **Dự toán chi ngân sách huyện:** điều chỉnh dự toán chi ngân sách huyện năm 2008 từ 140.534 triệu đồng lên 238.373 triệu đồng, tăng 97.839 triệu đồng so với dự toán đầu năm), trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 60.606 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 160.013 triệu đồng.
- Chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn: 12.559 triệu đồng.
- Chi hỗ trợ lãi vay: 5.190 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 13.514 triệu đồng.

Điều 2. Thống nhất chủ trương trang bị một xe chuyên dùng cho Trung tâm Y tế Dự phòng để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cân đối ngân sách và giao kinh phí cho đơn vị mua sắm phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo cân đối chung ngân sách.

Ủy ban nhân dân huyện bổ sung ngân sách xã để thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo Nghị quyết liên tịch của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp lần thứ 15, phiên họp ngày 11 tháng 7 năm 2008 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng